

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2017/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 2425/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 40/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 21/2012/NQ-HĐND8 ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- CV phòng TH, phòng HCTCQT;
- Trung tâm CB, Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Cảnh

**QUY ĐỊNH
NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HDND ngày 20 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

I. NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

1. Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường.

3. Đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý; thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường, lập báo cáo hiện trạng môi trường; vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ của hệ thống quan trắc và giám sát tự động.

4. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do các cơ quan cấp tỉnh quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường).

b) Hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải).

c) Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Hỗ trợ di dời cho các cơ sở gây ô nhiễm môi trường/ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nằm trong khu dân cư, khu đô thị.

6. Đầu tư, xây dựng và quản lý các công trình vệ sinh công cộng do cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ mua sắm trang thiết bị trạm trung chuyển, phương tiện thu gom, vận chuyển, thùng chứa rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường.

7. Hỗ trợ vệ sinh, nạo vét khai thông kênh mương, cống rãnh thoát nước; bảo dưỡng hệ thống thu gom nước thải đô thị; vận hành hệ thống xử lý nước thải đô thị, khu dân cư do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

8. Hoạt động công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường.

9. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải (chi đầu tư mua sắm, chi vận chuyển, xử lý), điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

10. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

11. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu, thuê bao và quản trị, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường; báo cáo kỹ thuật môi trường.

12. Hoạt động duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng (gồm công trình xử lý nước thải, khu dân cư, khu đô thị); hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

13. Hoạt động công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) gồm các chi phí: nhiên liệu, xăng xe phục vụ công tác; lấy mẫu đo đạc, phân tích các thành phần môi trường, chất thải; chi phí khác: thu thập chứng cứ, văn phòng phẩm, công tác phí, số liệu, thuê chuyên gia, trung cầu giám định,...).

14. Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

15. Tuyên truyền, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường (bao gồm: in ấn các ấn phẩm tuyên truyền; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày môi trường thế giới 5/6, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...; thực hiện các Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giữa ngành tài nguyên và môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, đoàn thể).

16. Tập huấn, hội thảo, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ làm công tác môi trường các cấp và doanh nghiệp (bao gồm: tham dự các lớp tập huấn, hội thảo, đào tạo do các cơ quan Trung ương và Viện, Trường tổ chức; tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, đào tạo tại địa phương; hợp tác và trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm quản lý môi trường trong và ngoài nước).

17. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

19. Bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh.

20. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

1. Thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn cấp huyện; lập báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất.

2. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do các cơ quan cấp huyện quản lý (đối với dự án có tính chất chỉ sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường).

b) Hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt (không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải).

c) Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện.

3. Đầu tư, xây dựng và quản lý các công trình vệ sinh công cộng do cấp huyện quản lý; hỗ trợ mua sắm trang thiết bị trạm trung chuyển, phương tiện thu gom, vận chuyển, thùng chứa rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường.

4. Hỗ trợ vệ sinh, nạo vét khai thông kênh mương, cống rãnh thoát nước; bảo dưỡng hệ thống thu gom nước thải đô thị; vận hành hệ thống xử lý nước thải đô thị, khu dân cư do các cơ quan cấp huyện quản lý.

5. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị

ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường.

6. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải (chi đầu tư mua sắm, chi vận chuyển, xử lý), điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

7. Duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu...); báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

8. Hoạt động duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng (gồm công trình xử lý nước thải, khu dân cư, khu đô thị); hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển.

9. Xây dựng kế hoạch về bảo vệ môi trường.

10. Hỗ trợ kinh phí đầu nối nước thải cho các hộ dân trên địa bàn có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

11. Hoạt động công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) gồm các chi phí: nhiên liệu, xăng xe phục vụ công tác; lấy mẫu đo đạc, phân tích các thành phần môi trường, chất thải; chi phí khác: thu thập chứng cứ, văn phòng phẩm, công tác phí, số liệu, thuê chuyên gia, trung cầu giám định,...).

12. Tuyên truyền, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường (bao gồm: in ấn các ấn phẩm tuyên truyền; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày môi trường thế giới 5/6, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...; thực hiện các Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giữa ngành tài nguyên và môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, đoàn thể).

13. Tổ chức hoặc tham dự tập huấn, hội thảo, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ làm công tác môi trường cấp huyện, cấp xã và doanh nghiệp.

14. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

15. Hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, xử lý nước thải của các cơ sở y tế công lập do các cơ quan cấp huyện quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp (các Trung tâm y tế, Trạm y tế của xã, phường, thị trấn).

16. Hợp đồng lao động để hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường ở cấp huyện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

17. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

18. Hoạt động điều tra, khảo sát thực địa, kiểm tra, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản (bao gồm: chi phí kiểm tra hiện trường, lấy mẫu đo đạc, phân tích các thành phần môi trường, chất thải; lấy ý kiến chuyên gia hoặc tổ chức Hội đồng thẩm định nếu cần thiết).

19. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

III. NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp xã.

2. Chi công tác thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

3. Chi các hoạt động tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường.

4. Chi hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế chất thải.

5. Chi quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.

6. Kiểm tra, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền.


7. Hỗ trợ vệ sinh, nạo vét khai thông kênh mương, cống rãnh thoát nước; bảo dưỡng hệ thống thu gom nước thải khu dân cư; vận hành hệ thống xử lý nước thải khu dân cư do cấp xã quản lý.

8. Thực hiện các Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giữa ngành tài nguyên và môi trường với các với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, đoàn thể do cấp xã tiến hành.

9. Hợp đồng lao động để hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường ở cấp xã theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

10. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trên đây là Quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương. / U

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Cảnh